

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tuần 3 (từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/9/2021).

Tiết 1: LUYỆN TẬP CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ

Kiến thức trọng tâm :

HOẠT ĐỘNG 1:

Đọc và giải: **Bài tập 21 SGK trang 15**

Gợi ý:

a) Rút gọn các phân số đó về dạng phân số tối giản

b) Ta nhân tử và mẫu của $\frac{-3}{7}$

cho cùng một số nguyên khác 0

Bài tập 22 (SGK trang 16)

Gợi ý:

+ Viết các số hữu tỉ đã cho dưới dạng phân số tối giản.

+ ta so sánh các số hữu tỉ dương với nhau và các số hữu tỉ âm với nhau.

+ Sau đó sắp xếp

HOẠT ĐỘNG 2:

Qua gợi ý trên ta giải chi tiết như sau :

Bài tập 21 (SGK trang 15)

Lời giải:**a)** Ta có

$$\frac{-14}{35} = \frac{-14:7}{35:7} = \frac{-2}{5};$$

$$\frac{-26}{65} = \frac{-26:13}{65:13} = \frac{-2}{5};$$

$$\frac{34}{-85} = \frac{34:(-17)}{-85:(-17)} = \frac{-2}{5}$$

Vậy các phân số $\frac{-14}{35}, \frac{-26}{65}, \frac{34}{-85}$ cùng biểu diễn một số hữu tỉ.

Ta có

$$\frac{-27}{63} = \frac{-27:9}{63:9} = \frac{-3}{7};$$

$$\frac{-36}{84} = \frac{-36:12}{84:12} = \frac{-3}{7}$$

Vậy $\frac{-27}{63}$ và $\frac{-36}{84}$ cùng biểu diễn một số hữu tỉ.

b) Ba phân số cùng biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{7}$ là :

$$\frac{-3}{7} = \frac{-6}{14} = \frac{9}{-21} = \frac{-12}{28}$$

Bài tập 22 (SGK trang 16)

Lời giải chi tiết

Viết các số hữu tỉ đã cho dưới dạng phân số tối giản:

$$0,3 = \frac{3}{10}; \frac{-5}{6}; -1\frac{2}{3} = \frac{-5}{3}; \frac{4}{13}; 0;$$

$$-0,875 = \frac{-875}{1000} = \frac{-7}{8}$$

+) Các số hữu tỉ dương là: $0,3 = \frac{3}{10}$ và $\frac{4}{13}$

So sánh các số hữu tỉ dương với nhau:

Ta có : $\frac{3}{10} = \frac{39}{130}; \frac{4}{13} = \frac{40}{130}$

Vì $39 < 40$ nên $\frac{39}{130} < \frac{40}{130}$

Hay $0,3 < \frac{4}{13}$

+) Các số hữu tỉ âm là: $\frac{-5}{6}; -1\frac{2}{3} = \frac{-5}{3}; -0,875 = \frac{-7}{8}$

So sánh các số hữu tỉ âm với nhau ta được:

$$\frac{-5}{6} = \frac{-20}{24}; \frac{-5}{3} = \frac{-40}{24}; \frac{-7}{8} = \frac{-21}{24}$$

Do $-40 < -21 < -20$

$$\Rightarrow \frac{-40}{24} < \frac{-21}{24} < \frac{-20}{24}$$

$$\Rightarrow \frac{-5}{3} < \frac{-7}{8} < \frac{-5}{6}$$

$$\Rightarrow -1\frac{2}{3} < -0,875 < \frac{-5}{6}$$

Vậy ta sắp xếp được như sau:

$$-1\frac{2}{3} < -0,875 < \frac{-5}{6} < 0 < 0,3 < \frac{4}{13}$$

HOẠT ĐỘNG 3: BÀI TẬP VỀ NHÀ:**Bài tập 24 (SGK trang 16)**

Áp dụng tính chất các phép tính nhanh để tính nhanh

a) $(-2, 5.0, 38.0, 4) - [0, 125.3, 15.(-8)]$

b)

$[(-20, 83).0, 2 + (-9, 17).0, 2]$

$: [2, 47.0, 5 - (-3, 53).0, 5]$

Gợi ý

a) Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân số hữu tỉ.

$$a.b.c = (a.c).b$$

$$(a.b).c = a.(b.c)$$

b) Áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

$$ab + ac = a.(b + c)$$

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tuần 3 (từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/9/2021).

TIẾT 2 : LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ

Kiến thức trọng tâm :

HOẠT ĐỘNG 1:

Gợi ý

1/ Lũy thừa với số mũ tự nhiên :

Đọc nội dung SGK trang 17

- Ghi nhớ định nghĩa lũy thừa bậc n của số hữu tỉ x ($n \in \mathbb{N}, n > 1$) ?

- x^n đọc là ? đọc các quy ước.

- Nếu viết $x = \frac{a}{b}$ thì $x^n = ?$; $(\frac{a}{b})^n$ được tính như thế nào ?

?1

Tính: $\left(\frac{-3}{4}\right)^2$; $\left(\frac{-2}{5}\right)^3$; $(-0,5)^2$;

$(-0,5)^3$; $(9,7)^0$

- Nhận xét gì về dấu của lũy thừa với số mũ chẵn và dấu của lũy thừa với số mũ lẻ của một số hữu tỉ âm?

2/ Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số : (SGK trang 18)

- Đọc quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số ? công thức tổng quát ?

- Đối với số hữu tỉ ta cũng có: $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$ và $x^m : x^n = ?$

- Điều kiện để thực hiện được phép tính chia hai lũy thừa cùng cơ số?

?2 Tính : a) $(-3)^2 \cdot (-3)^3$

b) $(-0,25)^5 : (-0,25)^3$

Vận dụng hai công thức đọc ở trên thực hiện

3/ Lũy thừa của lũy thừa :

?3 : + Tính từ biểu thức

+ Căn cứ kết quả so sánh

+ Đọc công thức

?4 : Từ công thức ta điền được số trong ô vuông

HOẠT ĐỘNG 2:

Nội dung ghi dễ học và hiểu bài học :

1.Lũy thừa với số mũ tự nhiên.

a. Định nghĩa: Lũy thừa bậc n của số hữu tỉ x là tích của n thừa số x

+ Công thức:

$$x^n = \underbrace{x \cdot x \cdot x \cdot \dots \cdot x}_n ; x \in \mathbb{Q}, 1 < n \in \mathbb{N}$$

+ Quy ước:

$$x^1 = x; \quad x^0 = 1 \quad (x \neq 0)$$

b.Chú ý

-Nếu viết $x = \frac{a}{b}$; (a,b ∈ Z) , b ≠ 0)

$$\text{Ta có : } \left(\frac{a}{b}\right)^n = \frac{a^n}{b^n}$$

2. Tích và thương hai lũy thừa cùng cơ số.

+ Tích hai lũy thừa cùng cơ số:

+ Ta có: $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$

- Quy tắc : **Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng 2 số mũ**

+ Thương hai lũy thừa cùng cơ số

-Ta có: $x^m : x^n = x^{m-n}$;

($x \neq 0$; $m \geq n$)

- Quy tắc : **Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số khác 0, ta giữ nguyên cơ số và lấy số mũ của lũy thừa bị chia trừ đi số mũ của lũy thừa chia**

?2 : a) $(-3)^2 \cdot (-3)^3$

b) $(-0,25)^5 : (-0,25)^3$

3.Lũy thừa của lũy thừa.

-Ta có : $(x^m)^n = x^{m.n}$

- Quy tắc : (SGK trang 18)

? 4. Điền số thích hợp vào ô vuông :

$$a. \left[\left(\frac{-3}{4} \right)^3 \right]^2 = \left(\frac{-3}{4} \right)^{\square}$$

$\square$ là số 6

b. $\square$ là số 2

HOẠT ĐỘNG 3: BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Gợi ý :

Bài tập 27 (SGK trang 19)

+ Đổi hỗn số ra phân số

$$+ x^0 = 1 \ (x \neq 0)$$

Bài tập 30 (SGK trang 19)

a/ + Tính lũy thừa

+ Tìm số bị chia

b/ + Tính lũy thừa

+ Tìm thừa số chưa biết

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tuần 3 (từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/9/2021).

TIẾT 3 : CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG

Kiến thức trọng tâm :

HOẠT ĐỘNG 1:

Gợi ý :

1/ Góc so le trong . Góc đồng vị :

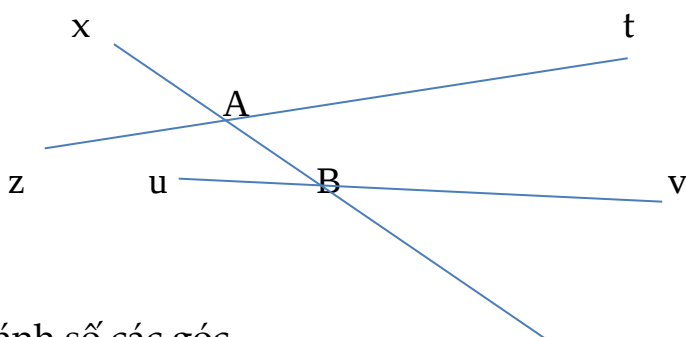
+ Đọc nội dung SGK trang 88

+ Có bao nhiêu góc đỉnh A? bao nhiêu góc đỉnh B? (Hình 12)

+ Cho biết 2 góc so le trong, 2 góc đồng vị ?

+ Tìm tiếp các cặp góc so le trong, góc đồng vị còn lại ?

?1:



+ Đánh số các góc

+ Căn cứ theo nội dung trên trả lời câu a ; b

2/ Tính chất :

Đọc ? 2 :

+ Sử dụng các cặp góc kề bù , các cặp góc đối đỉnh

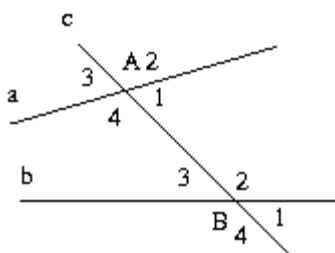
+ Tính các góc từng câu

HOẠT ĐỘNG 2:

Năm học :2021-2022

Nội dung ghi để học và hiểu bài học :

1. Góc so le trong, góc đ. vị



*Cặp góc so le trong

$\hat{A}_1$ và $\hat{B}_3$; $\hat{A}_4$ và $\hat{B}_2$

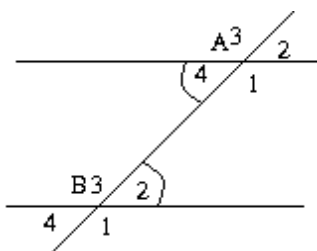
*Cặp góc đồng vị

$\hat{A}_1$ và $\hat{B}_1$; $\hat{A}_2$ và $\hat{B}_2$

$\hat{A}_3$ và $\hat{B}_3$; $\hat{A}_4$ và $\hat{B}_4$

2. Tính chất:

? 2:



Cho $\hat{A}_4 = \hat{B}_2 = 45^\circ$

a) Tính: $\hat{A}_1$, $\hat{B}_3$

Ta có: $\hat{A}_1 + \hat{A}_4 = 180^\circ$ (kề bù)

$$\Rightarrow \hat{A}_1 = 135^\circ$$

Tương tự ta có: $\hat{B}_3 = 135^\circ$

Năm học :2021-2022

b) $\hat{A}_2 = \hat{A}_4 = 45^\circ$ (đối đỉnh)

$$\Rightarrow \hat{A}_2 = \hat{B}_2 = 45^\circ$$

c) Ba cặp góc đồng vị còn lại

$$\hat{A}_1 = \hat{B}_1 = 135^\circ$$

$$\hat{A}_3 = \hat{B}_3 = 135^\circ$$

$$\hat{A}_4 = \hat{B}_4 = 45^\circ$$

**Tính chất: (SGK trang 89)*

HOẠT ĐỘNG 3: BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Gợi ý :

Bài tập 21 (SGK trang 89)

Hình 14 :

+ Đọc và kì hiệu từng góc

+ Trả lời (so le trong hoặc đồng vị)

Bài tập 22 (SGK trang 89)

+ Vẽ hình 15

+ Căn cứ bài học trả lời

+ Đọc gợi ý câu c về góc trong cùng phía

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tuần 3 (từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/9/2021).

TIẾT 4 : HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Kiến thức trọng tâm :

HOẠT ĐỘNG 1:

Gợi ý

1/ Nhắc lại kiến thức lớp 6 :

Đọc SGK trang 90

2/ Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song :

? 1 : + xem hình 17

+ Đoán xem các đường thẳng nào song song với nhau ?

+ Em có nhận xét gì về vị trí và số đo của các góc cho trước ở các hình 17a, b, c?

+ Đọc tính chất và kí hiệu

3/ Vẽ hai đường thẳng song song :

? 3 : Cách vẽ được minh họa như một số cách ở hình 18 , 19 (SGK trang 91)

+ Lưu ý cách vẽ trên dựa vào cặp góc so le trong , cặp góc đồng vị

HOẠT ĐỘNG 2:

Nội dung ghi nhớ học và hiểu bài học :

1/ Nhắc lại kiến thức lớp 6 (SGK – 90)

2/ Dấu hiệu nhận biết

?1: a song song với b

d không song song với e

m song song với n

**Tính chất: SGK trang 90*

Ký hiệu: $a // b$

3/ Vẽ hai đường thẳng song song :

? 2 : hình 18 , 19 (SGK trang 91)

HOẠT ĐỘNG 3: BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Gợi ý :

Bài tập 24 (SGK trang 91)

Xem tính chất và kí hiệu

Bài tập 25 (SGK trang 91)

Vẽ tương tự cách vẽ ở hình 18 , 19